

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2019/HNGĐ - PT.

Ngày: 10/5/ 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội Z xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Huyền
Ông Tạ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Quách Thị Như Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLPT- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 53/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Việt T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1964 (có mặt).

Trú tại: Đội 4, xóm N, xã Thụy V, Tp. Việt T, tỉnh Phú Thọ

2 - Bị đơn: Ông Phùng Ngọc K – Sinh năm 1949 (có mặt).

Trú tại: Đội 4, xóm N, xã Thụy V, Tp. Việt T, tỉnh Phú Thọ.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

Anh Phùng Phương Đ – sinh năm 1976 (có mặt).

Trú tại: Đội 4, xóm N, xã Thụy V, Tp. Việt T, tỉnh Phú Thọ.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo (Tòa án không triệu tập):*

1/ Đại diện Phòng công chứng số 01 tỉnh Phú Thọ: Ông Nguyễn Xuân Z - Chức vụ: Trưởng phòng

Địa chỉ: đường Nguyễn Tất Thành, P. Tân Dân, Tp. Việt T, tỉnh Phú Thọ.

2/ Đại diện Phòng tài nguyên và môi trường thành phố Việt T: Ông Trần Ngọc L - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường Tp. Việt T, tỉnh Phú Thọ.

4 - Người kháng cáo: Ông Phùng Ngọc K và anh Phùng Phương Đ – Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 1992 bà và ông Phùng Ngọc K về chung sống nh- vợ chồng, năm 1993 có 01 con chung là Phùng Văn Q, khi đó bà nhiều lần yêu cầu ông K đi đăng ký kết hôn nh- ng ông K khất lần và nói với bà Hoàn đã có con với nhau thì cứ vậy sống chứ đăng ký kết hôn không quan trọng mà quan trọng là tình cảm vợ chồng với nhau. Bà H tin t- ởng ông K nên bà cũng không để tâm tới việc đăng ký kết hôn nữa. Nh- ng có làm đám c- ới, đã đ- ợc hai họ hàng công nhận. Ông K đã có 01 con riêng là Phùng Ph- ơng Đ, anh Đ đã ở cùng với bà Hoàn và ông K từ đó. Ba người chung sống với nhau tại ngôi nhà nhỏ trên rừng bạch đàn của ông K có từ trước. Đến năm 1999 nhà n- ớc thu hồi để làm khu công nghiệp. Ông K đ- ợc đền bù là 33.000.000 đồng và đ- ợc cấp tái định c- 300m² đất ở tại thôn Cẩm Đội, xã Thụy V, Việt T. Bà Hoàn và ông K đã cùng nhau xây dựng được ngôi nhà 03 tầng trên diện tích đất nêu trên.

+ Năm 2010 ông K đã làm thủ tục tặng cho con riêng của ông là anh Phùng Ph- ơng Đ toàn bộ ngôi nhà + 120m² đất, cho anh Phùng Văn Q (con chung) 100m² đất, số diện tích đất còn lại 80m² ông K bán cho ng- ời khác. Việc bán đất và cho nhà, đất bà Hoàn không đ- ợc biết. Hiện nay bà H đang ở ngôi nhà 03 tầng, ngôi nhà này là tiền bà Hoàn tích cóp hơn 20 năm đi chợ, buôn bán kiếm lời. Thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông K th- ờng xuyên đi theo gái rồi về đánh, đuổi bà ra khỏi nhà, bà nhiều lần phải báo Công an xã Thụy Vân và Công an thành phố Việt Trì để giải quyết. Hiện nay anh Đ đang yêu cầu bà Hoàn ra khỏi nhà vì lý do quyền sử dụng đất đứng tên anh Đăng. Bà đề nghị Tòa án chia tài sản chung của hai người là 01 ngôi nhà xây 03 tầng xây trên 120m² đất đứng tên anh Phùng Ph- ơng Đ.

* **Bị đơn ông Phùng Ngọc K trình bày:** Nguồn gốc diện tích đất trồng cây bạch đàn là của bố mẹ ông để lại. Năm 1999 nhà nước thu hồi và tái định cư như bà H đã trình bày. Sau này (ông không nhớ năm) con trai ông là Phùng Phương Đ xây được 01 ngôi nhà 03 tầng trên diện tích đất đứng tên ông. Bà H và ông vẫn ở nhờ ngôi nhà đó của con ông. Toàn bộ số tiền xây nhà là tiền riêng của anh Đ, ông và bà H không đóng góp được gì. Đến năm 2010 ông làm thủ tục tặng cho anh Đ 120m², cho anh Q 100m², còn 80m² ông đã bán. Từ khi ông làm thủ tục tặng cho các con, không có tranh chấp gì. Nay bà H làm đơn đề nghị chia tài sản, ông không đồng ý vì đất là tài sản riêng của ông, còn ngôi nhà 03 tầng là tài sản riêng của anh Đ, ông và bà H không có tài sản gì. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Phùng Phương Đ trình bày: Về nguồn gốc đất, về việc tặng cho đất như bố anh đã trình bày. Năm 2000 anh xây nhà, đổ mái tầng một, sau nhiều lần chấp nối đến năm 2008 mới H thiện xong tầng 3. Toàn bộ chi phí để xây nên ngôi

nhà đều là tiền của anh buôn bán, tích cóp nhiều năm, bố anh và bà H không có công sức gì trong số tài sản đó. Thời điểm xây ngôi nhà trên anh chưa kết hôn, đến năm 2011 anh mới kết hôn, do vậy ngôi nhà trên là tài sản riêng của anh. Ngày 17/11/2016 anh và chị Nguyễn Thùy T (vợ anh Đ) ký Hợp Z tín dụng số:4163 với Quỹ tín dụng nhân dân xã Thụy V, TP Việt T, Phú Thọ, vay số tiền là 400.000.000Z. Mục đích xây 1 ngôi nhà ở chỗ khác, để sửa chữa ô tô, xe máy. Để đảm bảo cho số tiền vay anh đã thế chấp toàn bộ nhà và đất cho Quỹ tín dụng, đây là khoản nợ riêng của vợ chồng anh không liên quan đến ông K và bà H.

Đại diện phòng công chứng số 01 tỉnh Phú Thọ trình bày:

Ngày 06/10/2010 tại phòng công chứng số 01 tỉnh Phú Thọ, ông Phùng Ngọc K đã lập hợp Z tặng cho đất và tài sản trên đất cho anh Phùng Phương Đ, cho anh Phùng Văn Q quyền sử dụng đất là H toàn tự nguyện. Phòng công chứng số 01 tỉnh Phú Thọ đã thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Nay xảy ra tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trình bày:

Việc tặng cho là H toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Công chứng đã thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Phòng tài nguyên và Môi trường căn cứ vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, qua đối chiếu theo quy định của pháp luật hồ sơ của anh Đ đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ.

- Việc UBND thành phố Việt T *chưa chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng khác* là do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chủ hộ chưa chứng minh được việc tạo lập hợp pháp về nhà ở và các công trình xây dựng khác theo quy định của pháp luật. Nay xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Anh Phùng Văn Q** trình bày: Anh là con chung của ông K và bà H hiện nay vợ chồng anh và bà H vẫn đang sinh sống tại ngôi nhà đang tranh chấp. Trong thời gian bố mẹ anh xây nhà năm 2010 khi đó anh 17 tuổi đã nghỉ học có phụ giúp cùng bố mẹ và anh Đ làm nên ngôi nhà trên, anh đề nghị phân chia ngôi nhà trên để đảm bảo quyền lợi cho mẹ anh. Anh Q có đơn đề nghị tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng.

Đối với chị Nguyễn Thị L tại bản tự khai trình bày: chị kết hôn cùng với anh Q năm 2015 không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản trên, chị từ chối không tham gia tố tụng.

Chị Nguyễn Thùy T trình bày: Chị T xác định năm 2010 chị kết hôn với anh Phùng Ph-ong Đ, tài sản đang tranh chấp có tr-ớc khi chị kết hôn với anh Đ, chị không có công sức gì trong khối tài sản đó.

- Ngày 10/01/2018 bà H cung cấp cho tòa án 01 chứng thư Thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ tư vấn Việt Nam. Tài sản đang tranh chấp có tổng trị giá: 263.000.000Z.

- Ngày 11/01/2018 Tòa án tiến hành thẩm định tài sản đang tranh chấp gồm: 01 nhà 03 tầng diện tích sử dụng 141m² + 01 nhà bếp + công trình phụ (lợp ngói) diện tích sử dụng: 50m². Mặc dù ông K, anh Đ nhận được quyết định xem xét thẩm định tại chỗ nhưng anh Đ ông K vắng mặt không có lý do.

- Ngày 15/01/2018 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo kết quả Chứng thư thẩm định giá tài sản do bên nguyên đơn cung cấp và kết quả thẩm định của Tòa tại nơi cư trú của ông K và anh Đ.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 53/2018/HNGĐ-ST ngày 30/10/2018 của TAND thành phố Việt T đã: Áp dụng Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình và các Điều 214, 216, 223, 224, 465, 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều Điều 26 NQ số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Hủy một phần nội dung của Hợp Z tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/10/2010 tại phòng công chứng số 01 tỉnh Phú Thọ. Có nội dung: *Tài sản gắn liền với đất là một nhà xây cấp bốn.*

- Xác nhận: Ngôi nhà đang tranh chấp gồm: 01 nhà 03 tầng; 01 nhà bếp + công trình phụ có diện tích sử dụng 191m², thuộc *đồng* sở hữu của ông Phùng Ngọc K bà Nguyễn Thị H, anh Phùng Phương Đ có tổng trị giá là: 263.000.000đ.

Xử: Giao cho anh Phùng Phương Đ được quyền sở hữu 01 nhà 03 tầng 01 nhà bếp + công trình phụ (nhà bếp xây cấp 4 lợp ngói) xây trên diện tích đất 120m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 178769 ngày 24/02/2011 do UBND thành phố Việt T, trị giá 263.000.000đ. Trong đó anh Đ được hưởng 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*).

- Anh Phùng Phương Đ có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho bà Nguyễn Thị H 80.000.000đ (*tiền chia tài sản*) + 10.000.000đ (*tiền công sức giữ gìn, tôn tạo, bảo quản tài sản*). Tổng 90.000.000đ;

- Và thanh toán bằng tiền cho ông Phùng Ngọc K 73.000.000đ. Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất chậm trả, quyền lưu cư, quyền, nghĩa vụ thi hành án, tính án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 05 và 06/11/2018 ông K và Anh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Ngôi nhà là tài sản riêng của anh Đ, không đồng ý chia tài sản cho bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông K và anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những ng-ời tiến hành tố tụng và những ng-ời tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị hội *đồng* xét xử phúc thẩm: Xem xét việc cấp sơ thẩm buộc anh Đ phải thanh toán tiền công sức giữ gìn, tôn tạo, bảo quản tài sản 10.000.000đ là không hợp lý; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi các đương sự không có sự thỏa thuận về việc tổ chức định giá tài

sản mà không thành lập hội đồng định giá tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo ông K và anh Đ: Đơn làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo:

+ Ông K và anh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Ngôi nhà là tài sản riêng của anh Đ, không Z ý chia tài sản cho bà H.

Án sơ thẩm đã nhận định: Hai ông bà sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 tính đến nay là hơn 20 năm liên tục, ngoài công việc nội trợ, chăm sóc con cái trong gia đình, bà H còn buôn bán nhỏ, đóng góp một phần công sức cùng ông K và anh Đ tạo lập, xây dựng nên ngôi nhà trên. Do vậy bà H được hưởng 1/3 giá trị tài sản .Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Do sự hiểu biết pháp luật bị hạn chế, bà không thực hiện việc Đ ký kết hôn, nên bà đã bị mất đi quyền lợi của người phụ nữ, quyền lợi của người vợ lẽ ra bà còn được hưởng...Việc không tiếp tục chung sống cùng ông K là do bà không thể chịu đựng hơn được nữa, việc chia tài sản cho bà như cấp sơ thẩm là tương đối phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xác định ngôi nhà là tài sản của các đồng sở hữu, trong đó có bà H. Từ năm 2013 đến năm khi xét xử sơ thẩm năm 2018, ông K và vợ chồng anh Đ đã chuyển đi ở ngôi nhà khác, bà H và vợ chồng anh Q vẫn ở, sử dụng, hưởng lợi từ ngôi nhà này, nay cấp sơ thẩm lại buộc anh Đ phải thanh toán tiền công sức giữ gìn, tôn tạo, bảo quản tài sản 10.000.000đ là không hợp lý. Do đó cần phải sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ là phù hợp.

Còn việc cấp sơ thẩm không thành lập hội đồng định giá mà lại căn cứ vào “chứng thư thẩm định giá” của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tư vấn Việt nam để chia tài sản chung mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trình bày là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với ngôi nhà xây 3 tầng cùng công trình phụ được xây dựng từ năm 2000, H thành năm 2008 như anh Đ trình bày thì được thẩm định trị giá 263.000.000đ là không có gì là cao. Điều quan trọng là Tòa án đã báo gọi anh và ông K nhiều lần không có mặt để hòa giải, không có mặt để xem xét thẩm định, khi đã có chứng thư thẩm định đã được niêm yết tại nhà văn hóa khu, tại Ủy ban nhân dân xã, thì anh Đ không có ý kiến gì trong suốt thời gian đó đến ngày xét xử phúc thẩm anh cũng không có đơn đề nghị xem xét thẩm định lại, trong đơn kháng cáo anh cũng không đề nghị vấn đề này. Bà H chung sống cùng gia đình anh 24 năm, tại phiên tòa hôm nay anh chỉ đồng ý thanh toán cho bà 50.000.000đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng đúng là cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, không thành lập hội đồng định giá mà chỉ xem xét vào chứng thư thẩm định giá, lẽ ra cần phải hủy án sơ thẩm để tổ chức định giá theo quy định chung như đề nghị của VKSND tỉnh Phú Thọ, là một sai sót

cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm, phải thực hiện đúng theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự khi không có sự thỏa thuận việc định giá của các đương sự. Tuy nhiên việc hủy án sơ thẩm có làm thay đổi bản chất và quyết định của vụ án hay không thì cần phải xem xét kỹ lưỡng, toàn diện, các đương sự cũng có quyền cung cấp giá để bảo vệ quyền lợi cho mình theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự, ngôi nhà 3 tầng được xây dựng và H thành vào năm 2008, căn cứ vào thực trạng ngôi nhà + công trình phụ được định giá 263.000.000đ là không cao. Bà H chung sống cùng ông K 24 năm, có sự đóng góp công sức vào khối tài sản chung của gia đình ông K là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay bà trình bày: Bà không có nhiều tiền để đưa cho ông K hay anh Đ nhưng hàng ngày đi chợ buôn bán giao tiền cho ông K để gia đình sinh sống, tuy nhiên ông K và anh Đ không thừa nhận. Cấp sơ thẩm tính phần tài sản của bà được hưởng 80.000.000đ là tương đối phù hợp, tuy nhiên không có căn cứ nào để chứng minh bà có sự đóng góp công sức lớn hơn ông K. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ chỉ nhất trí thanh toán cho bà H 50.000.000đ, vì vậy không nhất thiết phải hủy án sơ thẩm mà chỉ cần sửa án sơ thẩm, tính phần đóng góp công sức vào khối tài sản chung của anh Đ nhiều hơn, còn ông K và bà H tương đối ngang nhau là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ vào nhận định đã nêu trên, kháng cáo của ông K và anh Đ được chấp nhận một phần, nên ông K và anh Đ không phải chịu án phí phúc thẩm là phù hợp. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, do có sự điều chỉnh lại việc thanh toán tài sản nên án phí sơ thẩm được tính lại cho phù hợp, riêng ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Điều 12 nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do đó cần sửa cả án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình và các Điều 214, 216, 223, 224, 465, 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 29 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phùng Ngọc K và của anh Phùng Phương Đ. Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Hủy một phần nội dung của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/10/2010 tại phòng công chứng số 01 tỉnh Phú Thọ. Có nội dung: “*Tài sản gắn liền với đất là một nhà xây cấp bốn*”.

- Xác nhận: Ngôi nhà đang tranh chấp gồm: 01 nhà 03 tầng; 01 nhà bếp +

công trình phụ có diện tích sử dụng 191m², thuộc đồng sở hữu của ông Phùng Ngọc K bà Nguyễn Thị H, anh Phùng Phương Đ có tổng trị giá là: 263.000.000đ.

Xử: Giao cho anh Phùng Phương Đ được quyền sở hữu 01 nhà 03 tầng 01 nhà bếp + công trình phụ (nhà bếp xây cấp 4 lợp ngói) xây trên diện tích đất 120m², thuộc thửa đất số:1041, tờ bản đồ 13, địa chỉ thửa đất: Cẩm Đội, xã Thụy V, thành phố Việt T, Phú Thọ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 178769 ngày 24/02/2011 do UBND thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ cấp đứng tên Phùng Phương Đ, trị giá 263.000.000đồng. Trong đó anh Đ được hưởng 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

- Anh Phùng Phương Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu Z*) tiền chia tài sản.

- Anh Đ thanh toán cho ông Phùng Ngọc K 73.000.000đ (*Bảy mươi ba triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà anh Đ chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án người thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.500.000đ tiền án phí dân sự chia tài sản. Xác nhận bà H đã nộp tạm ứng 200.000đ theo biên lai số 0002189 ngày 30/12/2016 của Chi cục THADS thành phố Việt T (*do bà Hải nộp thay*). Bà H còn phải nộp 3.300.000đ (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phùng Ngọc K.

- Anh Phùng Phương Đ phải chịu 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) tiền án phí chia tài sản.

+ Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phùng Phương Đ không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh Đ 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000339 ngày 09/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt T.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phùng Ngọc K. Trả lại cho ông Phùng Ngọc K 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000340 ngày 09/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt T.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tạ Văn Thành

Lê Thị Thu Huyền

Nguyễn Trường Sơn

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND thành phố Việt T;
- THADS thành phố Việt T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trường Sơn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tạ Văn Thành

Lê Thị Thu Huyền

Nguyễn Trường Sơn

